Phương tu Cao Đài

**Lễ kỷ niệm Đức Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (1890-1947)**

Mùng 03 tháng 9 Tân Mão (29-9-2011)

Hôm nay, Ban Cai Quản và bổn đạo Vĩnh Nguyên Tự thiết lễ kỷ niệm lần thứ 64 ngày đăng Tiên của Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt. Quí vị đạo hữu và thiện tín xa gần tựu hội về ngôi cổ tự có bề dày lịch sử hơn 100 năm nầy, cũng là một trong bốn thánh tích[[1]](#footnote-1) quan trọng của đạo Cao Đài để cùng thành kính chiêm bái, tưởng nhớ đạo nghiệp và học tập lời dạy của một vị Tiền Khai Đại Đạo đã để lại dấu ấn rất đặc biệt trong sử đạo Cao Đài. Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đã từ nơi cổ tự nầy thuộc chi Minh Đường và qui hiệp đạo Cao Đài từ những năm 20 của thế kỷ trước nhằm góp tay cùng Đức Chí Tôn vào công cuộc Khai minh Đại Đạo, xây dựng và hình thành trụ tướng Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ trong thời Hạ nguơn Mạt kiếp.

*Chư hiền đệ, hiền muội không nài vạn dặm để bước đến thôn quê cổ tự cùng Ban Cai quản, nội thân, gia tộc dự lễ kỷ niệm thoát xác của Tiên huynh. Đó là tình thiêng liêng đồng đạo bất diệt tự chốn Thiên cung còn liên hệ cho đến ngày nay.[[2]](#footnote-2)*

Đức Ngọc Lịch Nguyệt không đặt nặng về hình thức tổ chức lễ kỷ niệm đăng Tiên của Ngài với đầy đủ nghi lễ trang trọng, mà luôn khuyên chư đạo hữu chú trọng đến việc học tập và thực hành những lời giáo huấn của Ngài. Đây chính là lễ vật rất có ý nghĩa dâng lên Ngài trong dịp kỷ niệm hằng năm. Thật vậy, việc nối tiếp đại chí chính là ước nguyện của Đức Ngọc Lịch Nguyệt trong ngày kỷ niệm hôm nay.

*Các cháu con đến ngày kỷ niệm Ta hãy tụ họp lại Vĩnh Nguyên với lễ nghi đơn giản và đạm bạc. Cần yếu là soạn lại những lời của Ta đã dạy từ mấy năm qua và hành cho được cái lý đạo đó. Có Ta đến chứng lễ cho.[[3]](#footnote-3)*

Trở thành định lệ hàng năm, Đức Ngọc Lịch Nguyệt đến trần gian chứng lễ kỷ niệm tại nơi cổ tự nầy nhằm đáp lại tấm thạnh tình tri ngộ giữa hai cõi sắc không. Và nhân dịp nầy Ngài đã bồi hồi nhớ lại nỗi niềm năm xưa tại nơi đây đã một thời khắc ghi những dấu ấn rất đậm nét của Ngài trong công cuộc khai minh một nền tân tôn giáo tại Việt Nam.

*Bần Đạo vẫn ngỡ cửa Thánh rêu phong lối cũ, bặt hình tri kỷ, nào hay đâu điện vàng còn chớm nở giống chi lan, đường xưa hỡi còn cố nhân để gót. Giờ nay, Bần Đạo vâng lịnh Tam Giáo Tòa giáng bút Vĩnh Nguyên là nơi mà đã chịu bao nhiêu thăng trầm vì sự thế. Bần Đạo nhìn khắp cả trung đàn rồi hồi tưởng lại buổi sơ khai mà ngậm ngùi mến tiếc.[[4]](#footnote-4)*

**1. ĐÔI DÒNG ĐẠO NGHIỆP**

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt thế danh là Lê Văn Lịch sinh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (14-10-1890) tại xã Long An, huyện Cần Giuộc, Chợ Lớn (nay là tỉnh Long An). Trước khi trở thành môn đệ Cao Đài, Ngài tu theo đạo Minh Sư đến phẩm Dẫn Ân (Nhị thừa), đạo hiệu là Lê Xương Tịnh. Ngày 26-4-1926, Đức Chí Tôn ban phong Thiên ân cho Ngài Lê Văn Lịch làm Đầu Sư phái Ngọc, thánh danh là Ngọc Lịch Nguyệt. Theo Thánh lịnh của Đức Chí Tôn, Ngài đã soạn Kinh Nhựt tụng cho đạo Cao Đài gồm: Kinh xưng tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và kinh xưng tụng Tam Giáo Đạo Tổ dựa theo kinh Minh Sư. Sau khi đi phổ độ Lục tỉnh, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trở về hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh. Từ tháng 1-1944 đến tháng 8-1945, Ngài bị Pháp lưu đày tại Côn Đảo. Sau đó, do tình thế không thể trở về hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài trở về quê nhà tại Vĩnh Nguyên Tự xương minh chánh giáo cho bổn đạo địa phương và khai sáng các thánh sở tại tỉnh Gò Công gồm có Vĩnh Minh Quang, Vĩnh Sơn Quang và Vĩnh Hòa Quang (hay còn gọi tắt là Tam Vĩnh). Ngài Ngọc Đầu Sư đăng Tiên ngày mùng 2 tháng 9 năm Đinh Hợi (03-10-1947) tại tư gia, sau đó di hài được đưa về an táng tại Vĩnh Nguyên Tự.

Cuộc đời hoằng pháp lợi sanh của Ngài Ngọc Lịch Nguyệt có những sự kiện đặc biệt.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt sinh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (1890) và trở về phục lịnh Đức Chí Tôn vào ngày mùng 2 tháng 9 năm Đinh Hợi (1947). Như vậy, ngày sinh và ngày qui Tiên của Ngài gần như trùng hợp với nhau.

*Này các em! Tiên Huynh đến trần gian (01-9 Canh Dần-1890) đồng thời với ngày kỷ niệm thoát xác (02-9 Đinh Hợi-1947) của Tiên Huynh, không phải chỉ có lý do tư hữu về gia thế nơi mình, song Tiên Huynh tưởng bình sinh cuộc đời với chí hướng hiến dâng cho đạo nghiệp, hoàn cảnh thân thế của mình cũng đặt hết vào đạo nghiệp, thì trong lẽ công tư không còn phải biện phân chi nữa.[[5]](#footnote-5)*

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đang là một vị chức sắc cao cấp vào phẩm Dẫn Ân (bậc Nhị thừa) thuộc đạo Minh Sư mà lúc bấy giờ được nhiều người biết đến. Nhưng lại chuyển làm môn đồ của một tân tôn giáo hoàn toàn mới mẻ đối với người dân xứ Nam kỳ lúc đó.

*Bần Đạo trước kia cũng là một môn đồ của Minh Sư. Dầu Minh Sư, Minh Lý, Minh Tân, Minh Thiện, Minh Nghĩa, Minh Đường là có khác chi đâu. Mỗi người làm hết phận sự của mình trong cương vị là được thành công đắc quả.*[[6]](#footnote-6)

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt (cùng với một số vị khác như quí Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, v.v.) được Đức Chí Tôn thiên phong chức sắc lần đầu tiên trong lịch sử đạo Cao Đài vào ngày rằm tháng 3 năm Bính Dần (26-04-1926) tại tư gia của Ngài Lê Văn Trung. Ngài được Đức Chí Tôn ban phong Đầu Sư, là phẩm chức sắc cao cấp nhứt của Cửu Trùng Đài lúc bấy giờ trong khi Ngài chỉ mới 37 tuổi, tuổi đời trẻ nhứt so với các hàng Tiền Khai Đại Đạo lúc ấy và cho đến ngày hôm nay cũng chưa có vị nào đạt được.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đã thọ pháp môn đạo Minh Đường và tu luyện đến phẩm Dẫn Ân (Nhị thừa). Do pháp môn tu luyện thuộc về phạm trù nội giáo tâm truyền không thể truyền thụ qua cơ bút; cho nên, Đức Chí Tôn đã ban ơn cho Ngài truyền pháp cho quí vị Tiền Khai Đại Đạo vào đầu năm Bính Dần (1926) gồm quí Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

*Trung, Cư, Tắc! Thầy dặn ba con nội hạ tuần tháng 2 phải xin nghỉ một tuần lễ, xuống ở tại chùa Minh Đường của Lịch mà học đạo thêm (…) Lịch dạy chúng nó nghe. Thầy hằng bên chúng nó.[[7]](#footnote-7)*

Vì thế, có thể nói, Ngài Ngọc Lịch Nguyệt là người đầu tiên được Đức Chí Tôn ban ơn chỉ truyền pháp môn tu luyện cho hàng môn đệ Cao Đài đầu tiên dưới sự chứng minh và phò trì của Đức Chí Tôn.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian giữa năm Bính Dần (1926), Ngài Ngọc Lịch Nguyệt còn được Đức Chí Tôn dạy chọn thêm kinh nhựt tụng cho đạo Cao Đài. Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đã chọn từ kinh Minh Sư (do Ơn Trên ban truyền tại Trung Hoa) bài kinh xưng tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và ba bài xưng tụng Tam Giáo là Phật, Tiên và Nho Giáo.

Xin được tóm lược một vài đặc điểm nổi bật vừa nêu của Ngài Ngọc Lịch Nguyệt: Một vị chức sắc cao cấp của đạo Minh Sư chuyển sang đạo Cao Đài, người được Đức Chí Tôn ban phong chức sắc đợt đầu tiên, người được thiên phong phẩm vị Đầu Sư với tuổi đời trẻ nhất (37 tuổi) trong lịch sử đạo Cao Đài từ buổi sơ khai Đại Đạo cho đến thời điểm hiện nay, người đầu tiên được Đức Chí Tôn ban ơn truyền pháp môn tu luyện cho quí vị Tiền Khai Đại Đạo, và người được Đức Chí Tôn chỉ định chọn thêm kinh Nhựt tụng cho đạo Cao Đài.

**2. NỖI NIỀM TIÊN GIA**

Cứ mỗi độ thu về, bổn đạo xa gần đồng tề tựu về nơi cổ tự Vĩnh Nguyên chốn đồng quê nầy thiết lễ kỷ niệm một bậc Tiền Khai Đại Đạo đã dày công trong buổi đầu khai sơn phá thạch gầy dựng nền trụ tướng Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ. Đức Ngọc Lịch Nguyệt từ cõi thượng thiên quang lâm đến nơi đây chứng lễ và đã thốt lên nỗi niềm xúc cảm của Tiên gia.

*Chẳng quản xa xôi giục bước về,*

*Chùa xưa mái cũ chốn thôn quê.*

*Chuông ngân khêu gợi hồn muôn thuở,*

*Khói tỏa phá tan mộng bốn bề.*

*Mặc khách hãy nâng chung cúc tửu,*

*Thiên phong vừa nếm vị giao lê.*

*Cõi trần, ai biết ai Tiên, tục?*

*Có phải hai đường tỉnh với mê.[[8]](#footnote-8)*

Đức Ngọc Lịch Nguyệt đã thố lộ tiền kiếp của Ngài nhiều lần đến thế gian để đem Đạo độ đời trong Nhứt kỳ và Nhị kỳ Phổ độ, và Ngài lại tiếp tục sứ mạng đầy cam go thử thách trong Tam kỳ Phổ độ tại thánh địa Nam bang.

*Các em ôi! Chúng Tiên Huynh đã trải qua nhiều tiền kiếp trong hai thời kỳ lập đạo, đem đạo độ đời. Đến Tam Kỳ ân xá, chúng Tiên Huynh cũng xuống hồng trần, phải mang xác phàm hóa độ người đời nơi đất Việt Nam. Chúng Tiên Huynh đã trải qua biết bao nhiêu lúc thăng trầm bĩ thới, trở ngại khó khăn, vào khám ra tù, lưu vong đất khách, hy sinh để tiếp nhận sứ mạng lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ năm Bính Dần (1926) cho đến ngày cổi bỏ xác phàm, rũ sạch những oan khiên nghiệp chướng.[[9]](#footnote-9)*

Sứ mạng của Ngài Ngọc Đầu Sư đã thành tựu viên mãn và Ngài đã trở về phục lịnh Đức Chí Tôn nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Tuy nhiên, với tấm lòng tha thiết ưu tư đến tiền đồ Đại Đạo, với muôn vàn chúng sanh còn chưa biết Thầy hiểu đạo, chưa giác ngộ tu hành, Đức Ngọc Lịch Nguyệt vẫn còn ái ngại chưa nguôi.

*Trót nguyện cùng nhau đến cõi trần,*

*Thế Thiên hoằng đạo độ sanh dân.*

*Đạo chưa phổ cập, dân chưa tỉnh,*

*Dẫu được ra đi luống ngại ngần.[[10]](#footnote-10)*

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt khi trở về cõi Thượng thiên, đoái nhìn lại chốn trần gian với bao niềm tiếc nuối vì không thể chủ động hành đạo độ đời như hồi còn sinh tiền. Giờ đây Đức Ngọc Lịch Đại Tiên cùng với chư Tiền Khai Đại Đạo chỉ có thể âm phò mặc trợ đoàn người sứ mạng hậu tấn mà thôi. Chính sự cộng thông thiên nhân hiệp nhất nầy đã tạo ra sự mầu nhiệm thiêng liêng vô cùng sâu đậm giữa hai cõi thiêng liêng và hữu hình.

*Như Bần Đạo lỡ bề thoát tục,*

*Cõi vô hình mấy lúc tiếc thương,*

*Tùng Tiên Phật, chung một đường,*

*Muốn dìu sanh chúng phải nương cơ huyền.[[11]](#footnote-11)*

Sứ mạng Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ có thể xem như một chuỗi dài sứ mạng nối tiếp và liên hệ chặt chẽ với nhau, trong đó những đoàn người thực hiện sứ mạng Tam kỳ Phổ độ giống như một đoàn chạy đua tiếp sức. Mỗi đoàn người đều phải hoàn thành chặng đường đua trong khoảng thời gian nhất định được phân công. Nếu vì lý do nào đó mà đoàn đua không hoàn thành được chỉ tiêu đề ra, tất nhiên sẽ là gánh nặng cho đoàn người ở chặng đường đua kế tiếp. Do đó, sẽ là một điều bất công cho đoàn người ở chặng đua phía sau phải cáng đáng cho phần việc của đoàn người phía trước trong cuộc chạy đua tiếp sức nầy. Tương tự, nếu đoàn người sứ mạng hôm nay không hoàn thành được kế hoạch mà Đức Chí Tôn hoặc Hội thánh giao phó trong công cuộc hoằng pháp lợi sanh, tất nhiên phần việc dở dang nầy phải trao lại cho thế hệ tiếp nối gánh vác trong tương lai. Song, có những phần việc nếu trì hoãn hoặc hoàn thành không kịp thời đúng lúc theo Thánh ý thiên cơ thì sẽ không còn ý nghĩa trong cơ cứu độ. Mặt khác, thế hệ đi sau lại được kế thừa truyền thống và kinh nghiệm của các bậc tiền bối đi trước.

*Thật sự là tất cả người đi trước đều mang lấy thâm ơn đối với những người bước sau. Người bước sau cũng sẽ như thế, bởi sứ mạng và sứ mạng tương liên trong cõi đời hạ nguơn mạt kiếp.[[12]](#footnote-12)*

**3. PHƯƠNG TU CAO ĐÀI**

Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên khi còn tại thế đã là một cao đồ đạo Minh Sư tu luyện đến đạo quả Dẫn Ân, phẩm Nhị thừa. Sau khi Ngài Ngọc Đầu Sư chung tay góp sức cùng Đức Thượng Đế và các bậc Tiền Khai Đại Đạo vào công cuộc khai minh một đại cuộc cứu độ vào năm Bính Dần (1926), Ngài đã được Đức Chí Tôn ban ơn truyền pháp cho quí vị Tiền Khai Đại Đạo lúc bấy giờ. Và đến khi trở về cõi thiêng liêng chứng quả vô sanh, Đức Ngọc Lịch Nguyệt vẫn đến trần gian thông qua thánh ngôn, thánh giáo để tiếp tục sứ mạng năm xưa nhằm xiển dương chánh pháp Đại Đạo, hay còn được gọi là phương tu Cao Đài.

*Muốn cho chứng quả Cao Đài,*

*Đây Tiên Huynh chỉ một vài* ***phương tu****.*

*Luyện ba báu công phu trước nhứt,*

*Diệt phàm tâm đức hạnh dồi trau,*

*Đừng cho thần tán khí hao,*

*Thất tình lục dục đón rào cho an.*

*Hay giận dỗi thương can tổn mộc,*

*Quá mừng vui hỏa đốt tâm suy,*

*Buồn thương rất hại thổ tỳ,*

*Lo nhiều lao tổn ích gì hành kim.*

*Hay sợ sệt thân hình tiều tụy,*

*Ngũ tạng suy thần khí khó tu,*

*Người tu nên nhớ dặn lòng,*

*Như như mặc mặc, luyện công mới thành.[[13]](#footnote-13)*

Phương tu Cao Đài mang tính thực tiễn vì mọi người có thể ứng dụng được đạo lý trong đời sống hàng ngày, hay còn gọi là “*đạo lý nhựt dụng thường hành*”. Thật vậy, nếu giáo lý hay đạo lý không vận dụng được vào mọi sinh hoạt nơi cõi thế gian; không chuyển hóa được nội tâm và xây dựng được con người đúng nghĩa; không hóa giải được những xung đột đang ngày càng có chiều hướng gia tăng trên hành tinh nầy; không đem lại được hạnh phúc và an lạc cho nhân loại ngõ hầu xây dựng cõi thiên đàng nơi trần thế; giáo lý đó chỉ là lý thuyết suông, là bánh vẽ bởi nó không có tính thực tiễn ứng dụng. Cho nên, giáo lý cần gắn liền với mọi sinh hoạt thường nhật đời thường của con người.

***Đạo lý nhựt dụng thường hành****, từ công ăn việc làm, từ cử chỉ hành động, nhứt nhứt đều phải ở trong đạo lý. Đó là tu, đó là học. Đây Bần Đạo chỉ tất cả quan trường, dân thứ, giàu nghèo đều có đạo lý trong việc làm của họ.[[14]](#footnote-14)*

Chúng sanh căn trí vô lượng nên pháp môn vô lượng. Song bất luận pháp môn nào cũng đều có thể qui chiếu về pháp môn Tam công gồm công quả, công trình và công phu. Tân pháp Cao Đài, cũng gọi là Phương tu Cao Đài, là pháp môn đại ân xá do pháp môn được phổ cập đại chúng cho tất cả tín đồ giữ trai kỳ 10 ngày trở lên và tuân thủ giới luật Cao Đài. Phương tu Cao Đài tuy có nhiều pháp môn khác nhau, nhưng tựu trung đều nhứt quán và tương đồng với pháp môn Tam công. Công quả là hành thiện giúp đời nhằm tô bồi âm chất, công trình là luyện kỷ để hoàn thiện bản thân, còn công phu là tham thiền tịnh định hầu đạt đến giải thoát tại trần gian và siêu xuất thế gian.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt chỉ cho người tín hữu phương pháp rèn luyện và hoàn thiện bản thân bằng cách gắn bó vào môi trường đạo đức, luôn bận rộn trong việc tu học và đạo sự hàng ngày. Có như vậy, người tín hữu có thể nương tựa vào oai lực và sức mạnh của tập thể sống đạo để củng cố và un đúc đức tin cho chính bản thân mình và cũng đồng thời chia sẻ đức tin lẫn nhau. Mặt khác, người tín hữu Cao Đài luôn bận rộn với những đạo sự hàng ngày để tích lũy công quả cho mình, đồng thời góp phần vào việc xây dựng, phát triển thánh sở nơi mình hiện đang tu học và hành đạo. Chính sự bận rộn nầy còn có tác dụng làm cho bản thân không còn thì giờ để lãng phí vào những việc làm vô bổ nơi thế gian. Ngoài ra, người tín hữu còn được sự hộ trì, ban ơn của Ơn Trên để luôn được mạnh khỏe và tinh tấn trên con đường tu học. Cho nên, phương pháp nầy vừa giúp cho người tín hữu hoàn thiện bản thân về mặt công trình và đồng thời tạo ra công quả giúp đời tế chúng, xây dựng thánh sở.

*Chỉ có một con đường duy nhứt là mỗi người phải ý thức tu tâm sửa tánh, ham tìm việc thiện mà làm, ngoài ra cũng cần phải hợp tác nhau trong một chương trình đạo sự để có môi trường chằng chịt ràng buộc lẫn nhau để nhờ đó tâm hồn mình nhớ nhung hoặc dính liền với Trời, với Đạo. Đó cũng là tạo một trạm để Thiêng Liêng có thể tiếp ứng cho trong sự dìu dắt hộ trì. Nên nhớ rằng Đạo là con đường cứu rỗi, nếu ai muốn được cứu rỗi thì đừng vì lý do gì tìm cách này hay cách khác xa rời Đạo. Hễ gần Đạo tức gần Trời, Phật, Tiên, Thánh. Xa Đạo tức xa Trời, Phật, Tiên, Thánh; tức là trong tâm hồn mình như nhà bỏ trống tha hồ cho quỉ ma đến ngự trị cám dỗ dẫn dắt vào nẻo diệt vong.[[15]](#footnote-15)*

Công phu gồm nhiều pháp môn có thể kể như cúng tứ thời, đọc thánh giáo, trì niệm danh hiệu Đức Chí Tôn, cầu nguyện, tham thiền nhập định, v.v. Công phu có thể hiểu một cách khái quát là thân và tâm của hành giả hiệp nhứt với nhau tại một thời điểm nhất định. Thí dụ như khi cúng tứ thời, thân là miệng đọc kinh, còn tâm là tư tưởng. Trong khi miệng đọc kinh, tư tưởng tập trung vào lời kinh, ý nghĩa từng câu kinh. Đó là lúc thân và tâm hiệp nhứt, cũng chính là khoảnh khắc công phu của hành giả vậy. Còn ngược lại, nếu trong lúc miệng đọc kinh mà tư tưởng hành giả lại vấn vương suy nghĩ, tưởng nhớ đến những tạp niệm nầy nọ, thì lúc ấy thân và tâm tách rời nhau, nên thời khắc công phu đó không thành tựu được kết quả viên mãn.

Yếu chỉ của công phu được tóm gọn ở chỗ tâm thanh tịnh. Bởi lẽ, khi tâm thanh tịnh tức là tâm đã an định, đạo lý sẽ phát khởi và lưu hành trong nội thân, hành giả sẽ kết nối được sợi dây thiêng liêng mầu nhiệm giữa con người và Thượng Đế, giữa hai cõi hữu hình và vô hình. Lúc bấy giờ, “phàm tâm tử, đạo tâm sanh”, thiên lý sẽ luân chuyển trong tiểu châu thân và hành giả có thể thuận tùng theo đó để sống đạo nhiệm mầu.

*Đạo lý không có gì là bí ẩn cả. Đạo lý chỉ rất bí ẩn với những con người mê muội chưa giác ngộ mà thôi. Chỉ một câu: “Biển cho lặng, minh châu mới hiện”. Cũng chỉ một câu: “Chí hư cực thủ tịnh đốc”. Chỉ một câu: “Nhơn dục tịnh tận, thiên lý lưu hành” đều một ý nghĩa, đều một lý vi diệu để hành giả nên Thánh nên Tiên*.[[16]](#footnote-16)

Trạng thái thanh tịnh của tâm còn được gọi là hư tâm. Khi đạt được điều nầy, hành giả chứng nghiệm được chỗ minh linh hằng thường, bất tử bất biến của tâm.

*Học đạo giữ cho tinh ý tứ,*

*Tìm đạo cần một chữ* ***hư tâm****,*

*Minh châu đáy biển lặng trầm,*

*Sóng trần gió tục khó tầm minh châu.[[17]](#footnote-17)*

*Đạo pháp vốn không ngoài nội thể,*

*Nghĩ cho thông rất dễ kiếm tìm,*

*Biển trần gió lặng sóng êm,*

*Kim ô lố dạng ngọc thiềm sáng soi.[[18]](#footnote-18)*

Song, tâm thanh tịnh chưa phải là đích điểm giải thoát của hành giả trên con đường tu luyện, nhưng nó là điều kiện tối cần thiết để đạt đến chỗ chánh định ngõ hầu phát sinh trí huệ bát nhã, giải thoát tại chốn nầy và siêu xuất thế gian.

*Chư hiền đệ hãy lóng lòng thanh tịnh, tịch mịch hư vô, nhưng đã được hư vô tịch mịch chưa? Nếu chưa hãy cố gắng, dầu pháp môn nào cũng cần chỗ yếu lý đó mà thôi. Chẳng phải hư vô tịch mịch mà đắc Đạo. Đắc Đạo do đến chỗ hư vô mà không còn hư vô, tịch mịch không còn tịch mịch. Tất cả danh từ đều biến tan còn lại nguyên vẹn chỗ chánh định. Đó là kim đơn, là xá lợi, là chánh đẳng chánh giác*.[[19]](#footnote-19)

Giải thoát có nhiều cấp độ từ thấp đến cao, khi hành giả đã đắc nhứt rồi, tất sẽ vượt ngoài nhân quả, nội thánh ngoại vương, ung dung tự tại, an vui bốn cõi, cứu thế độ nhơn.

*Muôn dòng pháp đạo, một mà thôi,*

*Một chí, một tâm, một đất trời,*

*Đã được một thì chơn chánh đẳng,*

*Ba ngàn thế giới mặc vui chơi*.[[20]](#footnote-20)

**TẠM KẾT**

Thiết tưởng việc ôn lại đạo nghiệp và học tập lời dạy của Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trong dịp kỷ niệm hôm nay không thể cạn lời rốt ráo. Cuộc đời hoằng pháp lợi sanh của Ngài đã ghi dấu những sự kiện rất đặc biệt: Ngài được Đức Chí Tôn ban ơn phẩm vị Đầu Sư trong đợt thiên phong chức sắc đầu tiên, khi Ngài chỉ mới 37 tuổi; được Đức Chí Tôn ban trao sứ mạng chỉ truyền pháp môn tu luyện cho quí vị Tiền Khai Đại Đạo và chọn thêm kinh Nhựt tụng cho đạo Cao Đài.

Sau khi hoàn thành viên mãn trọng trách tại trần gian, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trở về phục lịnh Đức Chí Tôn và tiếp tục thực hiện sứ mạng trong Tam kỳ Phổ độ cùng với các đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên dạy môn đệ chú ý đến việc ứng dụng đạo lý trong đời sống hằng ngày và thực hành rốt ráo phương tu Cao Đài để giải thoát ngay tại thế gian và siêu xuất thế gian.

Thật là xúc động mỗi khi nghe Ngài bộc bạch nỗi niềm Tiên gia luôn dõi theo hộ trì từng bước chân của người sứ mạng hôm nay và muôn đời mai sau.

*Bần Đạo dụng tất cả những quyền năng đã có, theo hộ trì chư liệt vị trên đường hành đạo.[[21]](#footnote-21)*

Thiện Hạnh

24-8-2011

1. “*Chí Tôn đã dùng một di tích đầu tiên nơi Dương Đông Phú Quốc**và đã truyền giao cho Ngô Văn Chiêu nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhãn để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài từ ấy đến nay.*

***Di tích thứ hai là Vĩnh Nguyên Tự****. Chí Tôn đã dùng nơi này thâu nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc khai đạo truyền bá giáo lý trong Tam kỳ Phổ độ. Nơi đây đã là nơi Chí Tôn lập các kinh điển luật pháp đạo trong buổi sơ khai.*

*Di tích thứ ba là Thánh thất Cầu Kho**mà hôm nay biến thành**Nam Thành Thánh thất. Chí Tôn đã dùng nơi này Khai tịch Đạo với nhà đương cuộc lúc bấy giờ.*

*Di tích thứ tư là nơi Thiền tự tại Gò Kén. Chí Tôn đã dùng nơi này Khai Minh Đại Đạo trước quốc dân bá tánh.”* (Đức Đông Phương Chưởng Quản, CQPTGL, 20-02 Quí Sửu, 24-3-1973). [↑](#footnote-ref-1)
2. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974). [↑](#footnote-ref-2)
3. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, MLTH, 28-8 Mậu Thân (19-10-1968). [↑](#footnote-ref-3)
4. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 11-6 Tân Sửu (23-7-1961). [↑](#footnote-ref-4)
5. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Tân Định, 02-9 Tân Hợi (20-10-1971). [↑](#footnote-ref-5)
6. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, MLTH, 28-8 Mậu Thân (19-10-1968). [↑](#footnote-ref-6)
7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, đàn cơ ngày 03-02 Bính Dần (16-3-1926). [↑](#footnote-ref-7)
8. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 04-12 Nhâm Dần (30-12-1962). [↑](#footnote-ref-8)
9. Đức Ngọc Lịch Nguyệt và Đức Thượng Trung Nhựt, NMĐ, 14-02 Đinh Mùi (24-3-1967). [↑](#footnote-ref-9)
10. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, CQ, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973). [↑](#footnote-ref-10)
11. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 07-01 Ất Tỵ (08-02-1965). [↑](#footnote-ref-11)
12. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974). [↑](#footnote-ref-12)
13. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, CQ, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973). [↑](#footnote-ref-13)
14. Đức Ngọc Lịch Nguyệt. VNT, 07-01 Ất Tỵ (08-02-1965). [↑](#footnote-ref-14)
15. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974). [↑](#footnote-ref-15)
16. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 11-3 Giáp Dần (03-4-1974). [↑](#footnote-ref-16)
17. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 11-3 Giáp Dần (03-4-1974). [↑](#footnote-ref-17)
18. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, CQ, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973). [↑](#footnote-ref-18)
19. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974). [↑](#footnote-ref-19)
20. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974). [↑](#footnote-ref-20)
21. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, VNT, 02-9 Nhâm Tý (08-10-1972). [↑](#footnote-ref-21)